TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **218**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 26-12-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Đẳng

Ông Trịnh Hữu Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 334/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 222/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị V, sinh năm 2004 (xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Trương Văn Đ, sinh năm 1993 (xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Dương Thị T (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là chị Trần Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị V và anh Trương Văn Đ tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2021, không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hằng ngày; vợ chồng không tôn trọng, nhường nhịn nhau dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Nay chị V yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị V và anh Đ có 01 người con chung tên Trần Kiều N (nữ), sinh ngày 12/4/2022, hiện nay chị V đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị V yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Trương Văn Đ trình bày:

Anh Đ thống nhất với lời trình bày của chị V về thời điểm tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, không có đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay anh Đ đồng ý ly hôn với chị V.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Trần Kiều N, hiện nay đang sống chung với chị V. Khi ly hôn, anh Đ đồng ý giao con chung cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bà Dương Thị T đúng theo quy định pháp luật, nhưng bà T không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 21/12/2023, chị Trần Thị V và anh Trương Văn Đ có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt đúng theo quy định pháp luật; bà Dương Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị V và anh Trương Văn Đ tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2021. Tuy chị V và anh Đ xác lập quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện nhưng trong quá trình chung sống, đến thời điểm yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn không có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh Đ không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Chị Trần Thị V và anh Trương Văn Đ thống nhất thỏa thuận giao con chung là Trần Kiều N cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng. Sự thỏa thuận của chị V và anh Đ là phù hợp với điều kiện nuôi dưỡng con chung của chị V và không trái quy định pháp luật nên được chấp nhận. Anh Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị V và anh Đ không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị V và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của chị V.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 14, 53, 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Trần Thị V và anh Trương Văn Đ là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Kiều N (nữ), sinh ngày 12/4/2022 cho chị Trần Thị V tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Trần Kiều N đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Trương Văn Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Chị Trần Thị V và anh Trương Văn Đ không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị V và anh Trương Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngày 12 tháng 10 năm 2023, chị Trần Thị V đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai số 0001008 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Trần Thị V, anh Trương Văn Đ và bà Dương Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Minh Út